

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 7 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Mai Đức Danh
2. Ông: Trương Văn Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST, ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Việt D - Sinh năm: 1990 – Vắng mặt

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1995 – Vắng mặt

Đều có ĐKKHKT: Tổ dân phố Hồng Ph, phường Hải N, thị xã Nghi S, tỉnh Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên hòa giải anh Lê Việt D trình bày như sau: Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia nay là phường Hải Ninh, TX. Nghi Sơn vào ngày 13/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị H không thay đổi từ đó vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc. Đến tháng 02/2022, anh đã làm đơn ly hôn gửi Tòa án sau đó rút đơn về đoàn tụ tuy nhiên mục đích đoàn tụ không thành nay anh tiếp tục làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Chị Trần Thị H trình bày tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải như sau: Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh D trình bày là đúng. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn không đúng. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng chị không hạnh phúc và thường xuyên cãi nhau, anh D thường xuyên bỏ nhà đi đâu bản thân chị không biết được.

Vào tháng 2/2022 anh D làm đơn ly hôn sau đó rút đơn về tuy nhiên vợ chồng không cải thiện được tình cảm. Nay anh D tiếp tục làm đơn ly hôn chị không đồng ý. Quan điểm của chị muốn sống ly thân còn bản thân chị cũng chưa có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, chị muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Cả anh D và chị H đều xác định anh chị có hai con chung cháu Lê Ngọc H – Sinh ngày 24/4/2013 và cháu Lê Ngọc D – sinh ngày 03/11/2016. Nay ly hôn hai bên tự nguyện thỏa thuận giao cháu H cho anh D trực tiếp nuôi còn cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con cả hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2022 của cháu Lê Ngọc H2 và chị H, cháu H2 có nguyện vọng xin được ở với mẹ và chị H cũng có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử cho anh Lê Việt D được ly hôn với chị Trần Thị H. Về con chung giao cả hai cháu cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi cháu 2.500.000đ/ tháng, hai cháu là 05 triệu đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Anh D được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Buộc Anh D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Việt D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị H là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh D đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh D. Tại phiên tòa lần thứ nhất chị H vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thủ tục hợp lệ, đúng theo quy định cho chị H vì vậy HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh D và chị H trình bày là khác nhau. Tuy nhiên đều xuất phát từ việc anh chị không còn có niềm tin vào nhau, vợ chồng thường xuyên nghi ngờ lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bản thân chị H xác định không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng chị có quan điểm cả hai tiếp tục sống ly thân, về phía anh D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị H và anh D xác định anh chị kết hôn hợp pháp tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng hiện đang sống ly thân còn nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì địa phương không biết.

Điều này chứng tỏ anh D và chị H không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống không hạnh phúc vì vậy căn cứ Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh D được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: anh D và chị H đều xác định anh chị có hai con chung cháu Lê Ngọc H2 – Sinh ngày 24/4/2013 và cháu Lê Ngọc D – sinh ngày 03/11/2016. Xét nguyện vọng của cháu H2 và của chị H và anh D, HĐXX thấy; Tại phiên hòa giải ngày 27/4/2022, anh D cũng có quan điểm trong trường hợp chị H có nguyện vọng nuôi cả hai cháu thì anh đồng ý và cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 2.500.000đ/tháng, hai cháu là 05 triệu đồng/ tháng. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của cháu H2 cũng như của chị H và anh D nên HĐXX căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và 83 Luật HN&GD chấp nhận nguyện vọng của anh D và chị H cũng như của cháu H2 giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.500.000 đồng/ cháu, hai cháu là 05 triệu đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị H không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc anh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS ;

Căn cứ vào các Điều 51, 56; khoản 2 Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Việt D

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Việt D được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung: Anh D và chị H có hai con chung cháu Lê Ngọc H2 – Sinh ngày 24/4/2013 và cháu Lê Ngọc D – sinh ngày 03/11/2016. Giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng 2.500.000 đồng/ cháu, hai cháu là 05 triệu đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2022 cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động. Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị H không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh D lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh D.

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012108 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa và phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh D và chị H. Anh D và chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Hải Ninh, TX.
Nghi Sơn, Thanh Hóa.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Cúc

